TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày 29-4-2026

"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đức Trường;

Bà Hoàng Thị Khé.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang; bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-DS ngày 22/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn G, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn Thành C, xã N, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn K, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn 9, xã V, tỉnh Tuyên Quang. ĐT 0846.200.133.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Văn G trình bày:

Ông và ông Vũ Văn K, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn 9, xã V, tỉnh Tuyên Quang có quen biết thông qua anh Lù Văn Kh, trú tại thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng S, tỉnh Hà Giang (cũ) từ năm 2022 trong một chuyến đi chơi, từ đó ông G thỉnh thoảng có ghé nhà ông K chơi. Đến tháng 12/2023, ông G có đến nhà ông K tại tổ 15, thị trấn V, huyên V, tỉnh Hà Giang (nay là xã V, tỉnh Tuyên Quang) thì ông K có hỏi ông G vay tiền để giải quyết công việc, ông K hứa chỉ mượn vài hôm rồi trả, vì tin tưởng và thấy gia đình ông K có điều kiện, nhà cửa khang trang, hiện đại nên ông G yên tâm và đồng ý cho ông K vay số tiền là 265.000.000 đồng, không viết giấy vay tiền. Sau đó đến hẹn ông G có hỏi để đòi lại tiền thì ông K nói chưa rút được tiền công trình, ông K hứa rút được tiền công trình sẽ trả ngay.

Cứ như vậy ông K hứa hết lần này đến lần khác không trả. Đến ngày 11/6/2024 ông G và ông Hoàng Văn S. Trú tại thôn Kết Th, xã Nậm D, huyện Hoàng S, tỉnh Hà Giang (cũ) đến Văn phòng tư vấn sách và pháp luật của ông K tại thôn 9, xã V, tỉnh Tuyên Quang để đòi lại tiền, ông K hứa đến 30/6/2024 sẽ trả hết. Do ông K đã nhiều lần thất hứa nên lần này ông G yêu cầu ông K phải viết giấy vay tiền và cam kết trả trước ngày 30/6/2024. Đến hẹn ông G gọi điện hỏi nợ thì ông K lại hứa hẹn rồi lại khất lần lữa hết lần này đến lần khác với lý do chưa rút được tiền và lại khất nợ không trả tiền như đã thỏa thuận. Vì vậy, ông Hoàng Văn G đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Văn K phải trả cho ông G số tiền 265.000.000 đồng tiền gốc và tiền khoản tiền lãi là 12%/năm tính từ ngày 01/7/2024.

- *Đối với bị đơn ông Vũ Văn K:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho ông K theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông K vẫn không đến Tòa án theo yêu cầu, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án mà không cho biết lý do. Ngày 30/3/2026 ông K đến Tòa án cung cấp lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho ông và ông Hoàng Văn G hòa giải vào ngày 18/4/2026 để thỏa thuận việc thanh toán nợ. Tuy nhiên, ngày 18/4/2026 ông K không đến Tòa án để hòa giải theo đề nghị mà không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Vũ Văn K phải trả khoản nợ gốc là 265.000.000 đồng và thay đổi về mức tính lãi là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn, bị đơn, người tiến hành tố tụng và đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Căn cứ Điều 275; Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự. Điểm b, khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Vũ Văn K phải trả toàn bộ số tiền gốc là 265.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày quá hạn trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 09 tháng 28 ngày x 10%/năm = 48.436.111 đồng. Tổng cộng tiền gốc 265.000.000đ và tiền lãi 48.436.111 ông K phải trả cho ông Giang là: 313.436.111 đồng.

2. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G được chấp nhận, nên ông K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn ông Vũ Văn K cư trú tại là thôn 9, xã V, tỉnh Tuyên Quang do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Vũ Văn K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Các đương sự thống nhất xác lập hợp đồng vay tiền vào ngày 11/6/2024. Đến năm 2025, ông Hoàng Văn G khởi kiện đòi nợ đối với ông Vũ Văn K. Do đó, việc ông G khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] *Về tư cách tham gia tố tụng:* Giấy vay tiền ngày 11/6/2024 thể hiện người viết giấy vay tiền và người vay số tiền 265.000.000 đồng là ông Vũ Văn K, sinh năm 1979 và người cho vay tiền là ông Hoàng Văn G, sinh năm 1980. Quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2026, ông Hoàng Văn G và ông Vũ Văn K đều xác định người cho vay tiền là ông G và người vay tiền là ông K. Tòa án xác định ông Hoàng Văn G là nguyên đơn, ông Vũ Văn K là bị đơn là đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện*: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Hoàng Văn G xác nhận: Do có quan hệ quen biết với ông K nên tháng 12/2023 ông G có cho Vũ Văn K trú tại thôn 9, xã V, tỉnh Tuyên Quang vay số tiền là 265.000.000 đồng, không viết giấy vay tiền. Sau đó ông G có đòi nhiều lần nhưng ông K nói chưa rút được tiền công trình nên chưa có tiền để trả cho ông G. Do ông K hứa hết lần này đến lần khác không trả nên ngày 11/6/2024 ông G đã đến Văn phòng tư vấn sách và pháp luật của ông K tại tổ 9, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là thôn 9, xã V, tỉnh Tuyên Quang) để đòi lại tiền, ông K có hứa đến 30/6/2024 sẽ trả hết, ông G yêu cầu ông K phải viết giấy vay tiền và cam kết trả trước ngày 30/6/2024. Đến hẹn ông G gọi điện để đòi nợ thì ông K lại hứa hẹn rồi lại khất lần lữa hết lần này đến lần khác. Vì vậy, ông Hoàng Văn G đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Văn K phải trả cho ông G số tiền 265.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 11/6/2024. HĐXX xét thấy: Ông Hoàng Văn G có cho ông Vũ Văn K vay số tiền 265.000.000 đồng và được lập thành văn bản là giấy vay tiền, quá trình thực hiện hợp đồng ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án ông Vũ Văn K không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng nào cho Tòa án nên HĐXX không có căn cứ để xem xét. Từ nhận định nêu

trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn G đối với ông Vũ Văn K.

[5] *Xét về lãi suất:* Tại đơn khởi kiện, ông Hoàng Văn G yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Văn K phải trả khoản tiền lãi là 12%/năm. Tại phiên tòa, ông Hoàng Văn G thay đổi yêu cầu về mức lãi suất, yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Văn K phải chịu khoản tiền lãi là 10%/năm đối với số tiền gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả. HĐXX xét thấy: Thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản ngày 11/6/2024 giữa ông Hoàng Văn G và ông Vũ Văn K thuộc trường hợp Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi, ông K đã có vi phạm về thời hạn thanh toán.

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

"4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác."

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

"2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".

Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định:

"1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc)".

Điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định:

"b) Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết kỳ hạn vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

[6] Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền gốc chậm trả là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Xác định thời gian chậm trả mà ông Vũ Văn K phải chịu tiền lãi từ ngày 01/7/2024 (ngày tiếp theo liền kề của ngày hết kỳ hạn vay) đến ngày 29/4/2026 (ngày xét xử vụ án) là 01 năm 09 tháng 28 ngày.

[7] Cụ thể:

[8] 265.000.000 đồng x 10%/năm = 26.500.000 đồng;

[9] 26.500.000 đồng : 12 tháng x 09 tháng = 19.875.000 đồng;

[10] 26.500.000 đồng : 12 tháng : 30 ngày x 28 ngày = 2.061.111 đồng.

[11] Tổng cộng: 26.500.000 đồng + 19.875.000 + 2.061.111 = 48.436.111 đồng. Như vậy, số tiền lãi bị đơn Vũ Văn K phải chịu là 48.436.100 đồng (làm tròn số). Tổng cộng, buộc ông Vũ Văn K phải trả cho ông Hoàng Văn G số tiền là 313.436.100 đồng *(Trong đó: 265.000.000đ tiền gốc và 48.436.100đ tiền lãi).*

[12] *Đối với bị đơn Vũ Văn K:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông K không đến Tòa án theo yêu cầu, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án mà không cho biết lý do. Ngày 30/3/2026 ông K đến Tòa án cung cấp lời khai và đề nghị Tòa án hòa giải vào ngày 18/4/2026 để thỏa thuận việc thanh toán nợ với ông G. Tuy nhiên, ngày 18/4/2026 ông K không đến Tòa án để hòa giải theo đề nghị mà không có lý do. HĐXX xét thấy: Việc ông Vũ Văn K vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc ông K đề nghị Tòa án tổ chức hòa giải việc vay nợ giữa ông K và ông G vào ngày 18/4/2026 nhưng vắng mặt chỉ là hành vi lấy lý do để cố tình trốn tránh trách nhiệm, kéo dài thời gian trả nợ, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án, không có thiện trí trong việc giải quyết công nợ. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[13] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[14] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thuận với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Căn cứ Điều 275; Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn G về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông Vũ Văn K.

2. Buộc ông Vũ Văn K phải trả cho ông Hoàng Văn G số tiền 313.436.100đ *(Ba trăm mười ba triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn một trăm đồng).* Trong đó: 265.000.000đ tiền gốc và 48.436.100đ tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Vũ Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.671.800đ *(Mười lăm triệu sáu trăm bẩy mươi mốt nghìn tám trăm đồng)*. Trả lại cho ông Hoàng Văn G số tiền tạm ứng án phí là 6.600.000đ *(Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000855 ngày 17/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND KV4;
- TAND tỉnh;
- THADS tỉnh (cơ sở 2);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phúc